

ĐỀ THI CUỐI HỌC KỲ II - LỚP 1

Họ và tên học sinh: Điểm

ĐỀ SỐ 1

A. Hãy khoanh tròn vào chữ cái đặt trước kết quả đúng:

- Số liền sau của số 79 là:
A. 78 B. 80 C. 70 D. 81
- Số lớn nhất có hai chữ số là:
A. 9 B. 90 C. 99 D. 10
- Số 55 đọc là:
A. Năm mươi lăm B. Năm lăm C. Năm mươi năm.
- Kết quả của phép tính: $14 + 3 - 7$ là:
A. 17 B. 18 C. 24 D. 10
- Số "Tám mươi ba" viết là:
A. 38 B. 8 và 3 C. 83 D. 3 và 8.
- Số lớn nhất có một chữ số cộng với số bé nhất có hai chữ số bằng:
A. 19 B. 10 C. 99 D. 29
- Dấu điền vào chỗ chấm của $47 \dots\dots 40 + 7$ là:
A. $>$ B. $<$ C. $=$
- Một tuần lễ có mấy ngày:
A. 5 ngày B. 6 ngày C. 7 ngày D. 24 ngày
- Tổ em có 19 bạn, trong đó có 5 bạn nữ, hỏi tổ em có mấy bạn nam?
A. 14 bạn B. 24 bạn C. 19 bạn
- Lớp em có 21 bạn gái và 14 bạn trai. Hỏi lớp em có tất cả bao nhiêu bạn?
A. 35 bạn B. 34 bạn C. 32 bạn

B. Tự luận:

Bài 1:

a) Đặt tính rồi tính:

$62 + 23$	$25 + 41$	$87 - 5$	$78 - 23$
.....
.....
.....
.....

b) Tính: $40 \text{ cm} + 16 \text{ cm} = \dots\dots\dots$

$19 \text{ cm} - 9 \text{ cm} = \dots\dots\dots$

Bài 2: Viết các số: 34, 27, 91, 58.

- Theo thứ tự từ bé đến lớn:

- Theo thứ tự từ lớn đến bé:

Bài 3: Viết số thích hợp vào chỗ chấm:



3. Số 55 đọc là:

- A. Năm mươi lăm B. Năm lăm C. Năm mươi năm.

4. Kết quả của phép tính: $14 + 3 - 7$ là:

- A. 17 B. 18 C. 24 D. 10

5. Số "Tám mươi ba" viết là:

- A. 38 B. 8 và 3 C. 83 D. 3 và 8.

6. Số lớn nhất có một chữ số cộng với số bé nhất có hai chữ số bằng:

- A. 19 B. 10 C. 99 D. 29

7. Dấu điền vào chỗ chấm của $47 \dots\dots 40 + 7$ là:

- A. $>$ B. $<$ C. $=$

8. Một tuần lễ có mấy ngày:

- A. 5 ngày B. 6 ngày C. 7 ngày D. 24 ngày

9. Tổ em có 19 bạn, trong đó có 5 bạn nữ, hỏi tổ em có mấy bạn nam?

- A. 14 bạn B. 24 bạn C. 19 bạn

10. Lớp em có 21 bạn gái và 14 bạn trai. Hỏi lớp em có tất cả bao nhiêu bạn?

- A. 35 bạn B. 34 bạn C. 32 bạn

B. Tự luận:

Bài 1: a) Đặt tính rồi tính:

$$62 + 23$$

$$25 + 41$$

$$87 - 5$$

$$78 - 23$$

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

b) Tính: $40 \text{ cm} + 16 \text{ cm} = \dots\dots\dots$

$19 \text{ cm} - 9 \text{ cm} = \dots\dots\dots$

Bài 2: Viết các số: 34, 27, 91, 58.

- Theo thứ tự từ bé đến lớn:

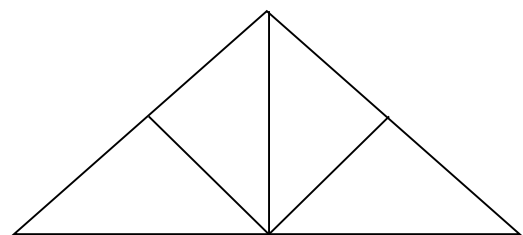
- Theo thứ tự từ lớn đến bé:

Bài 3: Viết số thích hợp vào chỗ chấm:

Trong hình vẽ bên có:

a) hình vuông.

b) hình tam giác.



Bài 4: Vườn nhà bà có 46 cây vải và nhãn, trong đó có 24 cây vải. Hỏi vườn nhà bà có bao nhiêu cây nhãn?

Bài giải:

- A. 10 B. 9 C. 11 D. 20
5. Số "Bốn mươi tư" viết là:
A. 40 B. 404 C. 04 D. 44.
6. $56 - 42 + 3 = :$
A. 23 B. 17 C. 14 D. 10
7. $20 \text{ cm} + 60 \text{ cm} - 50 \text{ cm} =$
A. 30 B. 80cm C. 30cm D. 40cm
8. Điền dấu thích hợp vào chỗ chấm: $35 - 4 \dots\dots\dots 11 + 20$.
A. > B. < C. =
9. Điền số vào chỗ chấm: $50 + \dots\dots\dots = 78$
A. 18 B. 28 C. 8 D. 23
10. Lan hái được 36 bông hoa cúc và hoa hồng. Trong đó số bông hoa hồng Lan hái được là 1 chục bông. Hỏi Lan hái được bao nhiêu bông hoa cúc?
A. 37 bông. B. 35 bông C. 26 bông D. 16 bông

11. Hai anh em đi câu cá, Anh câu được 13 con cá, em câu được 12 con cá. Hỏi hai anh em câu được bao nhiêu con cá?
A. 15 con. B. 25 con C. 10 con D. 5 con

B. Tự luận:

Bài 1: a) Đặt tính rồi tính:

$12 + 65$	$45 - 4$	$2 + 60$	$99 - 52$
.....
.....
.....
.....

b) Tính: $43 \text{ cm} + 16 \text{ cm} = \dots\dots\dots$ $79 \text{ cm} - 5 \text{ cm} = \dots\dots\dots$

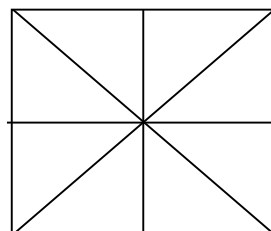
Bài 2: Viết các số: 14, 67, 87, 23, 45.

- Theo thứ tự từ bé đến lớn:
- Theo thứ tự từ lớn đến bé:

Bài 3: Viết số thích hợp vào chỗ chấm:

Trong hình vẽ bên có:

a) hình vuông.



b) hình tam giác.

Bài 4: Một cửa hàng có 85 chiếc xe đạp, cửa hàng đã bán được 3 chục chiếc. Hỏi cửa hàng còn lại bao nhiêu chiếc xe đạp?

Bài giải:

Bài 5:

a. Viết dấu và số thích hợp để có phép tính đúng?

			=	46
--	--	--	---	----

b. Nêu đề toán phù hợp với phép tính trên.

ĐỀ SỐ 4

A. Hãy khoanh tròn vào chữ cái đặt trước kết quả đúng:

1. Số liền sau của số 53 là:

A. 54

B. 52

C. 50

D. 55

2. Số bé nhất có hai chữ số là:

A. 9

B. 90

C. 99

D. 10

3. Số 65 đọc là:

A. Sáu mươi lăm

B. Sáu lăm

C. Sáu mươi năm.

4. Kết quả của phép tính: $26 + 3 - 7$ là:

A. 27

B. 28

C. 24

D. 22

5. Số "Chín mươi sáu" viết là:

A. 96

B. 9 và 6

C. 69

D. 6 và 9.

6. Số lớn nhất có một chữ số cộng với số bé nhất có hai chữ số bằng:

A. 19

B. 10

C. 99

D. 29

7. Dấu điền vào chỗ chấm của $47 \dots\dots 42 + 7$ là:

A. >

B. <

C. =

8. Một tuần lễ em đi học mấy ngày:

A. 5 ngày

B. 6 ngày

C. 7 ngày

D. 24 ngày

9. Tổ em có 19 bạn, trong đó có 11 bạn nữ, hỏi tổ em có mấy bạn nam?

A. 8 bạn

B. 8 bạn

C. 30 bạn

10. Lớp em có 23 bạn gái và 14 bạn trai. Hỏi lớp em có tất cả bao nhiêu bạn?

A. 37 bạn

B. 31 bạn

C. 54 bạn

B. Tự luận:

Bài 1: a) Đặt tính rồi tính:

$$65 + 23$$

$$54 + 41$$

$$87 - 15$$

$$78 - 7$$

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

b) Tính: $44 \text{ cm} + 14 \text{ cm} = \dots\dots\dots$

$69 \text{ cm} - 5 \text{ cm} = \dots\dots\dots$

Bài 2: Viết các số: 36, 25, 27, 72.

- Theo thứ tự từ bé đến lớn:

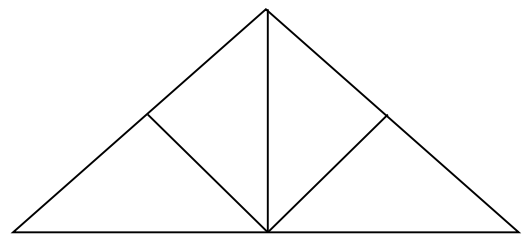
- Theo thứ tự từ lớn đến bé:

Bài 3: Viết số thích hợp vào chỗ chấm:

Trong hình vẽ bên có:

d) hình vuông.

e) hình tam giác.



Bài 4: Lan có sợi dây dài 75 cm, Lan cắt đi 41 cm. Hỏi sợi dây còn lại bao nhiêu xăng-ti-mét?

Bài giải:

A. 31

B. 43

C. 33

D. 30

5. Số "Hai mươi chín" viết là:

A. 29

B. 2 và 9

C. 92

D. 9 và 2.

6. Số lớn nhất có hai chữ số khác nhau trừ đi số bé nhất có hai chữ số giống nhau bằng:

A. 87

B. 88

C. 89

D. 99

7. Dấu điền vào chỗ chấm của $86 \dots\dots 40 + 53$ là:

A. >

B. <

C. =

8. Một tuần lễ được nghỉ mấy ngày:

A. 5 ngày

B. 2 ngày

C. 6 ngày

D. 7 ngày

9. Lớp 1A, 1B và 1C có 39 bạn nam, trong đó lớp 1A có 12 bạn nam, lớp 1C có 14 bạn nam, hỏi lớp 1B có bao nhiêu bạn nam?

A. 13 bạn

B. 26 bạn

C. 27 bạn

10. Cho các số: 89, 98, 79, 87, 97. Số lớn nhất trong các số đó là:

A. 89

B. 98

C. 97

D. 87

B. Tự luận:

Bài 1: a) Đặt tính rồi tính:

$65 + 23$

$67 - 41$

$57 - 5$

$52 - 22$

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

b) Tính: $43 \text{ cm} + 16 \text{ cm} = \dots\dots\dots$

$79 \text{ cm} - 23 \text{ cm} = \dots\dots\dots$

Bài 2: Viết các số: 34, 27, 91, 58, 54.

- Theo thứ tự từ bé đến lớn:

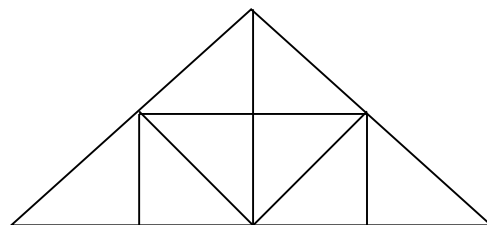
- Theo thứ tự từ lớn đến bé:

Bài 3: Viết số thích hợp vào chỗ chấm:

Trong hình vẽ bên có:

a) hình vuông.

b) hình tam giác.



Bài 4: Vườn nhà bà có 48 cây vải và nhãn, trong đó có 22 cây vải. Hỏi vườn nhà bà có bao nhiêu cây nhãn?

Bài giải:

Bài 5: Vẽ thêm kim đồng hồ để đồng hồ chỉ:



8 giờ



4 giờ

Bài 6: Số?

45	+		<	46
----	---	--	---	----

66	-		>	65
----	---	--	---	----

Bài 7: Số con gà bà nuôi là một số lớn nhất có hai chữ số trừ đi số bé nhất có hai chữ số. Số gà đó là: con.

Bài 8: Cho 3 số: 22, 57, 35. Hãy viết 4 phép tính thích hợp từ 3 số đã cho.

ĐỀ SỐ 6

A. Hãy khoanh tròn vào chữ cái đặt trước kết quả đúng:

- 1. Số 78 gồm mấy chục và mấy đơn vị?
A. 7 chục và 8 đơn vị B. 8 chục và 7 đơn vị C. 7 và 8
- 2. $35\text{ cm} + 3\text{ cm} = ?$
A. 65cm B. 38 C. 65 cm D. 38 cm
- 3. Dưới ao có 26 con vịt, trên bờ có 13 con vịt. Hỏi có tất cả bao nhiêu con vịt?
A. 14 con B. 26 con C. 13 con D. 39 con
- 4. Số liền trước của số nhỏ nhất có hai chữ số giống nhau là số nào?
A. 10 B. 9 C. 11 D. 99
- 5. Số "Bốn mươi tư" viết là:
A. 40 B. 404 C. 04 D. 44.

6. $33 + 42 - 3 =$

A. 72

B. 27

C. 45

D. 42

7. $45 \text{ cm} + 52 \text{ cm} - 23 \text{ cm} =$

A. 65

B. 74cm

C. 77cm

D. 72 cm

8. Điền dấu thích hợp vào chỗ chấm: $35 + 4 \dots\dots\dots 21 + 18.$

A. >

B. <

C. =

9. Điền số vào chỗ chấm: $52 + \dots\dots\dots = 78$

A. 18

B. 28

C. 8

D. 26

10. Lan hái được 36 bông hoa cúc và hoa hồng. Trong đó số bông hoa hồng Lan hái được là 2 chục bông. Hỏi Lan hái được bao nhiêu bông hoa cúc?

A. 16 bông.

B. 56 bông

C. 34 bông

D. 38 bông

11. Hai anh em đi câu được 35 con cá, em câu được 12 con cá. Hỏi anh câu được bao nhiêu con cá?

A. 32 con.

B. 47 con

C. 23 con

D. 41 con

B. Tự luận:

Bài 1: a) Đặt tính rồi tính:

$15 + 64$

$45 - 3$

$22 + 60$

$99 - 57$

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

b) Tính: $45 \text{ cm} + 12 \text{ cm} = \dots\dots\dots$

$79 \text{ cm} - 52 \text{ cm} = \dots\dots\dots$

Bài 2: Viết các số: 22, 27, 72, 69, 96.

- Theo thứ tự từ bé đến lớn:

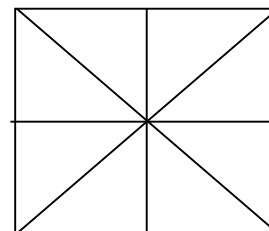
- Theo thứ tự từ lớn đến bé:

Bài 3: Viết số thích hợp vào chỗ chấm:

Trong hình vẽ bên có:

c) hình vuông.

d) hình tam giác.



Bài 4: Sau khi bán được 3 chục chiếc xe đạp cửa hàng còn 24 chiếc. Hỏi cửa hàng có tất cả bao nhiêu chiếc xe đạp?

Bài giải:

--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

Bài 5: a. Viết dấu và số thích hợp để có phép tính đúng?

			=	35
--	--	--	---	----

b. Nêu đề toán phù hợp với phép tính trên.
